TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01876

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sổ sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12363058	HOÀNG KIM	NGÂN	CD12CA			2.0		3.2	5.2	5	2
2	10123119	HUỲNH KIM	NGÂN	DH10KE			2.0	/	5.6	8.6	8	6
3	11123075	NGUYỄN BÍCH	NGÂN	DH11KE			2.0		5.6	7.6	7	6
4	11123127	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH11KE			2.0	/	7.6	9.6	9	6
5	12363102	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	CD12CA			1.5		3.2	4.7	4	7
6	12363092	TRẦN THỊ TUYẾT	NGỌC	CD12CA			2.0		1.6	3.6	3	6
7	12363067	TRẦN THỊ MỸ	NHUNG	CD12CA			2.0		1.6	3.6	3	6
8	11123077	PHẠM THỊ XUÂN	NỮ	DH11KE			2.0	/	6.5	8.5	8	5
9	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHƯƠNG	CD11CA			2.0		4.8	6.8	6	8
10	11123040	NGÔ MINH	QUÂN	DH11KE			2.0	/	3.2	5.2	5	2
11	12363105	TRƯƠNG THỊ	QUỲNH	CD12CA			2.0	/	2.0	4.0	4	0
12	11123043	NGUYỄN THỊ	SOA	DH11KE			2.0		7.6	9.6	9	6
13	12363296	TÔ HỒNG	THANH	CD12CA			2.0		3.2	5.2	5	2
14	12363084	TRẦN THỊ KIM	THÀNH	CD12CA			2.0		3.2	5.2	5	2
15	10123167	LÊ THỊ BÍCH	THẢO	DH10KE			1.5	/	8.0	9.5	9	5
16	11123147	PHẠM THỊ THU	THẢO	DH11KE			2.0		6.5	8.5	8	5
17	12363047	TRẦN THỊ THU	THẢO	CD12CA			2.0		3.2	5.2	5	2
18	12363242	VÕ THỊ	THẢO	CD12CA					V			

Số bài: 29 ; Số tờ: 29

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
Lê Minh Thành
Lê T. Thanh Nữ

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2
Đàm Thị Hải

Ngày 26 tháng 02 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01876

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sổ sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD202 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20 %)	Đ2 (%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12363045	NGUYỄN THỊ	THUYÊN	CD12CA			2.0		1.6	3.6	3	6
20	12123052	NGUYỄN THỊ KIM	THƯ	DH12KE			2.0		5.6	7.6	7	6
21	11123079	LƯU THỊ	TÌNH	DH11KE			2.0	/	7.6	9.6	9	6
22	10123197	LÊ THỊ KHÁNH	TRÀ	DH10KE			2.0		6.8	8.8	8	8
23	12363333	LÊ THỊ	TRANG	CD12CA			2.0		4.0	6.0	6	0
24	11363103	TRẦN HUYỀN	TRANG	CD11CA			2.0	/	7.6	9.6	9	6
25	11363165	THÁI THỊ UYÊN	TRÂN	CD11CA			2.0		5.6	7.6	7	6
26	12363202	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	CD12CA			2.0		2.0	4.0	4	0
27	11363125	NGUYỄN HỒNG	VÂN	CD11CA			2.0		5.6	7.6	7	6
28	11123187	NGUYỄN THÚY	XUYÊN	DH11KE			2.0	/	6.6	8.6	8	6
29	10363147	LÊ THỊ HỒNG	YẾN	CD10CA			2.0		6.0	8.0	8	0
30	10123231	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	DH10KE			2.0		6.5	8.5	8	5

Số bài:.....29.....; Số tờ:.....29.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Minh Thành

Lê T. Thanh Nữ

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Đàm Thị Hải

Ngày 26 tháng 02 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01873

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sổ sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi CT202 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20 %)	Đ2 (%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11123001	HOÀNG THỊ KIM	ANH	DH11KE			2.0	/	8.0	10	10	0
2	11123071	HUỲNH THỊ	ÁNH	DH11KE			2.0	/	6.8	8.8	8	8
3	12363151	NGUYỄN HỒ	BẢO	CD12CA			2.0		3.2	5.2	5	2
4	12363003	NGUYỄN THỊ HẢI	CHÂU	CD12CA			1.5		3.2	4.7	4	7
5	12363228	NGUYỄN THỊ THÚY	DIỄM	CD12CA			2.0		3.2	5.2	5	2
6	12363334	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	DUNG	CD12CA			2.0		2.0	4.0	4	0
7	12363152	NGUYỄN THỊ	DUNG	CD12CA				/				
8	11123210	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	DH11KE			2.0	/	7.6	9.6	9	6
9	12363007	VŨ THỊ	DUNG	CD12CA			2.0		2.0	4.0	4	0
10	12363028	CHU THÚY	HÀ	CD12CA			2.0		4.4	6.4	6	4
11	11363025	NGÔ THỊ	HÀ	CD11CA			2.0		6.8	8.8	8	8
12	11363014	PHẠM THỊ	HÀ	CD11CA			2.0	/	7.8	9.8	9	8
13	11123096	NGÔ THỊ	HẢI	DH11KE			2.0	/	7.9	9.9	9	9
14	12363211	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	CD12CA			2.0		3.2	5.2	5	2
15	11123065	TRỊNH HUỲNH MỸ	HẠNH	DH11KE			2.0		7.2	9.2	9	2
16	10123054	NGUYỄN THỊ	HẰNG	DH10KE			2.0		5.0	7.0	7	0
17	12363246	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	CD12CA			2.0		1.6	3.6	3	6
18	11363184	VƯƠNG THỊ LỆ	HẰNG	CD11CA			2.0		6.8	8.8	8	8

Vắng

Số bài:...36.....; Số tờ:.....37

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 02 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01873

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Số sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi CT202 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11123104	TRƯƠNG THANH	HẬU	DH11KE			2.0		5.2	5.2	5	2
20	11123107	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	DH11KE			2.0	/	6.8	8.8	8	8
21	11123109	PHAN NHƯ	HOÀI	DH11KE			2.0	/	7.6	9.6	9	6
22	12363316	ĐẶNG THỊ	HUỆ	CD12CA			2.0		5.6	7.6	7	6
23	12363330	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	CD12CA			2.0		0.8	2.8	2	8
24	12363231	TRẦN THỊ KIM	HUYỀN	CD12CA			2.0		5.2	5.2	5	2
25	12363169	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	CD12CA			2.0	/	5.2	5.2	5	2
26	12363216	NGUYỄN QUỐC	HY	CD12CA			2.0		3.5	5.5	5	5
27	11123115	LÊ THỊ HỒNG	KHÁNH	DH11KE	2		2.0	/	5.0	7.0	7	0
28	11123018	PHAN THỊ HOA	LÀI	DH11KE			2.0	/	6.6	8.6	8	6
29	11123116	DƯƠNG THỊ TỐ	LAN	DH11KE			2.0		6.8	8.8	8	8
30	11363128	VÕ THỊ MỸ	LỆ	CD11CA			2.0	/	7.2	9.2	9	2
31	12363286	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	CD12CA			2.0		1.0	3.0	3	0
32	11123023	TRỊNH THỊ	LÝ	DH11KE			2.0		6.0	8.0	8	0
33	12363080	VÕ THỊ NGỌC	LÝ	CD12CA			2.0		6.8	8.8	8	8
34	12363282	ĐẶNG THỊ NGỌC	MAI	CD12CA			2.0		5.2	5.2	5	2
35	10123106	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	MAI	DH10KE			2.0		7.2	9.2	9	2
36	11363041	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	CD11CA			2.0		5.6	7.6	7	6

Số bài: 36 ; Số tờ: 27

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2
Đàm Thị Hải Âu

Ngày 26 tháng 02 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01873

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sổ sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi CT202 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20 %)	Đ 2 (%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12363099	ĐẶNG THỊ HỒNG NÊN	CD12CA			2.0		3.2	5.2	5	2

Số bài: 36 ; Số tờ: 2

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 02 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01875

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sổ sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10123007	TRẦN THỊ LAN	ANH	DH10KE	1	Trang	2.0		6.0	8.0	8	0
2	10123009	ĐỖ THỊ KIM	BẢO	DH10KE	1		1.8	/	6.9	8.7	8	7
3	11123090	NGUYỄN THỊ LỆ	CHI	DH11KE					Vắng			
4	12363261	NGUYỄN MINH	DUNG	CD12CA	1	Dung	1.5		1.6	3.1	3	1
5	12363327	ĐẶNG THỊ	DUYÊN	CD12CA	1	Duyên	2.0	/	3.2	5.2	5	2
6	12363263	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	CD12CA	1	Duyên	2.0		2.0	4.0	4	0
7	10123032	PHẠM THỊ THANH	ĐÀO	DH10KE	1		2.0		5.6	7.6	7	6
8	09123034	TRỊNH THỊ MỸ	HẠNH	DH09KE					Vắng			
9	11363137	ĐÀO THỊ THU	HẢO	CD11CA	1		2.0		7.2	9.2	9	2
10	12363328	DƯƠNG THỊ	HẰNG	CD12CA	1		2.0		3.2	5.2	5	2
11	12363162	NGÔ THỊ	HẰNG	CD12CA	1		2.0		2.0	4.0	4	0
12	10363170	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	CD11CA	1		2.0		5.6	7.6	7	6
13	12363042	TRƯƠNG THỊ BÍCH	HÂN	CD12CA	1		2.0		5.6	7.6	7	6
14	12363230	LÊ THỊ	HIỀN	CD12CA	1		1.5		4.8	6.3	6	3
15	11363031	NG LÊ T NHƯ PHƯƠNG	HIẾU	CD11CA	1		2.0	/	7.0	9.0	9	0
16	12363249	NÔNG THỊ	HIẾU	CD12CA	1		2.0		0.8	2.8	2	8
17	11123012	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HỒNG	DH11KE	1		2.0	/	6.8	8.8	8	8
18	11123013	TRỊNH THỊ	HỒNG	DH11KE	1		2.0		1.6	3.6	3	6

Số bài: 29 ; Số tờ: 31

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Đình Mạnh

Nguyễn Thị Kim Thoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Đàm Thị Hải

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01875

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sổ sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD201 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12363329	TRẦN THỊ	HUỆ	CD12CA	1		2.0		4.8	6.8	6	8
20	10123071	LƯU THỊ	HUYỀN	DH10KE	1		1.8	/	7.6	9.4	9	4
21	11123016	VŨ THỊ THU	HƯƠNG	DH11KE	1		2.0		4.8	6.8	6	8
22	11123019	BÙI THỊ MỸ	LINH	DH11KE	1		2.0		6.8	8.8	8	8
23	10363060	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	CD10CA	1		2.0		6.8	8.8	8	8
24	12363057	PHẠM THÙY	LINH	CD12CA	1		2.0		4.4	6.4	6	4
25	12363059	ĐẶNG THỊ THANH	LOAN	CD12CA	1		2.0		4.4	6.4	6	4
26	12363281	TRẦN LÊ PHƯỚC	LY	CD12CA	1		2.0		2.4	4.4	4	4
27	12363064	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	MAI	CD12CA	1		2.0		3.2	5.2	5	2
28	11123024	NGUYỄN THỊ	MAI	DH11KE	2		2.0	/	6.8	8.8	8	8
29	10363069	TRẦN THỊ DIỄM	MY	CD10CA	1		2.0	/	8.6	9.6	9	6
30	11123029	NGUYỄN THY	NGA	DH11KE	1		2.0	/	8.6	9.6	9	6
31	10123117	ĐỖ THỊ TUYẾT	NGÂN	DH10KE	2		2.0		8.6	9.6	9	6

Số bài: 29 ; Số tờ: 31

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2
Trần Đình Mạnh
Nguyễn Thị Kim Thoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2
Đàm Thị Hải

Ngày 26 tháng 02 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01874

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sổ sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi CT305 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (20%)	Đ2 (%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12363331	PHAN THỊ QUỲNH	NGỌC	CD12CA	1	Ngọc	2.0		2.4	4.4	4	4
2	11363076	NGUYỄN HỒ VI	NHÃ	CD11CA	1	Nhã	2.0		3.2	5.2	5	2
3	11123176	LƯƠNG THỊ Ý	NHI	DH11KE	1	Nhi	2.0		5.9	7.9	7	9
4	10123133	VÕ HỒNG	NHI	DH10KE	1		2.0		4.4	6.4	6	4
5	07223197	LÊ NGỌC	PHÚ	TC07KE	/	V				—		
6	10123005	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH10KE	1		2.0		5.6	7.6	7	6
7	11123140	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	DH11KE	1		2.0		6.9	8.9	8	9
8	12363024	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	CD12CA	1		1.5		1.6	3.1	3	1
9	12363190	LÊ THỊ	SƯƠNG	CD12CA	1		2.0		5.6	7.6	7	6
10	11123144	NGUYỄN THỊ	TÂM	DH11KE	1		2.0	/	7.6	9.6	9	6
11	11363169	TRƯƠNG THỊ THU	THẢO	CD11CA	1		2.0	/	6.5	8.5	8	5
12	12123257	MAI	THI	DH12KE	1		2.0		4.8	6.8	6	8
13	11123148	MAI THỊ TÚ	THI	DH11KE	1		2.0		7.6	9.6	9	6
14	12363129	NGÔ THỊ	THU	CD12CA	1		2.0		3.2	5.2	5	2
15	12363156	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU	CD12CA	1		1.0		3.2	4.2	4	2
16	12363118	BÙI THỊ	THỦY	CD12CA	1		2.0		3.2	5.2	5	2
17	11123156	PHAN HUỲNH NG MINH	THÚY	DH11KE	2		2.0		4.8	6.8	6	8
18	12363245	ĐỖ PHƯỢNG CẨM	TIÊN	CD12CA	1		2.0		3.2	5.2	5	2

Số bài: 35 ; Số tờ: 37

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lâm T Kim Cúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 02 năm 2014

Đàm Thị Hải

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01874

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Sổ sách chứng từ kế toán (208328) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi CT305 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (20 %)	Đ 2 (%)	Điểm thi (50%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12363127	NGUYỄN THỊ THÙY	TIÊN	CD12CA	1		2.0		1.6	3.6	3	6
20	11123050	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	DH11KE	1		2.0		7.6	9.6	9	6
21	12363303	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	CD12CA	1		2.0		3.2	5.2	5	2
22	11123185	TRƯƠNG THỊ HỒNG	TRÂM	DH11KE	1		2.0	//	8.0	10	10	0
23	10363121	HOÀNG THỊ THU	TRÂN	CD10CA	1		2.0		6.8	8.8	8	8
24	12363050	HUỲNH THỊ	TRÍ	CD12CA	1		2.0	/	4.0	6.0	6	0
25	12363304	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	TRINH	CD12CA	1		2.0		2.4	4.4	4	4
26	11123186	PHAN THỊ MỸ	TRINH	DH11KE	1		2.0		6.8	8.8	8	8
27	09363240	PHẠM THỊ NHƯ	TRÚC	CD09CA	1		2.0		6.5	8.5	8	5
28	10123217	PHAN HOÀNG	TÚ	DH10KE	1		1.8		6.4	8.2	8	2
29	11123083	TRƯƠNG THỊ THU	TUYỀN	DH11KE	2		2.0	/	6.8	8.8	8	8
30	12363052	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	CD12CA	1		2.0		2.0	4.0	4	0
31	12363214	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	TUYẾT	CD12CA	1		2.0		5.0	7.0	7	0
32	11363122	HỒ THỊ THẢO	UYÊN	CD11CA	1		2.0		5.8	8.8	8	8
33	11123058	ĐOÀN THỊ NGỌC	VI	DH11KE	1		2.0	/	6.8	8.8	8	8
34	10123229	NGUYỄN SÔNG	VƯƠNG	DH10KE	1		2.0	//	8.0	10.0	10	0
35	11123069	NGUYỄN ÁNH	XUÂN	DH11KE	1		2.0	//	8.0	10.0	10	0
36	11363040	MAI THỊ NGỌC	YẾN	CD11CA	1		2.0		6.5	8.5	8	5

Số bài:...35.....; Số tờ:...37.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lâm T Kim Cúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Đàm Thị Hà Thu

Ngày 26 tháng 02 năm 2014